TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2023/DS-ST
Ngày: 20/4/2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

***- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Liêm;

2. Ông Trương Phước Công

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Lắm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 476/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2022 về "*tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 168/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân Hng T; địa chỉ: số 201-203, đường C, Phường 4, Quận 3, THnh phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Khánh H, chức vụ: chuyên viên xử lý nợ; ông Võ Văn Hiếu, chức vụ: chuyên viên xử lý nợ; ông Phạm An N, chức vụ: Phó phòng xử lý nợ; địa chỉ liên lạc: lầu 6-7, số 11-11A-13, đường An Dương Vương, Phường 8, Quận 5, THnh phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 856/2020/UQQT-NHNA ngày 31/12/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị; văn bản ủy quyền số 520/2020/UQ-AMC ngày 31/12/2020 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân Hng TMCP Nam Á; văn bản ủy quyền số 747/2022/UQ-AMC ngày 07/11/2022 của Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám

đốc Chi nhánh THnh phố Hồ Chí Minh); ông Hiếu (vắng mặt); ông N (vắng mặt); bà H (vắng mặt).

Bị đơn: Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp Long Quới 2, xã Long Đền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày, vào ngày 23/01/2019, ông Đặng Văn Đ đã ký kết Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số: 0054/2019/925-CV ngày 23/01/2019 kèm Giấy nhận nợ số: 01/GNN-0054/2019/925-CV ngày 24/01/2019 để vay tiền của Ngân hàng TMCP Nam A Bank – Chi nhánh Tân Định – PGD Hòa Bình số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Thời hạn vay là 180 tháng; lãi suất 12%/năm, lãi suất được Đều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Mục đích vay hoàn tiền mua bất động sản. Căn cứ hợp đồng, giấy nhận nợ nguyên đơn đã giải ngân đầy đủ cho ông Đ số tiền vay. Ông Đ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cho nguyên đơn đến ngày 28/10/2022 thì ngưng thanh toán cho đến nay.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Đặng Văn Đ ký với nguyên đơn hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0044/2019/925-BĐ ngày 23/01/2019 tại Văn phòng công chứng Lê Văn Hữu để thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 1034 m^2, thửa đất số 984, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp 1, xã Tân Hiệp, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An; loại đất ở tại nông thôn, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nH ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 752960, vào sổ cấp GCN số CS 03905 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 22/01/2019.

Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu ông Đặng Văn Đ phải trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng 0054/2019/925-CV ngày 23/01/2019 kèm Giấy nhận nợ số: 01/GNN-0054/2019/925-CV ngày 24/01/2019 tạm tính đến ngày 28/10/2022 là 1.620.615.507đồng (một tỷ, sáu trăm hai mươi triệu, sáu trăm mười lăm nghìn, năm trăm lẻ bảy đồng). Trong đó nợ gốc là 994.444.000 đồng; nợ lãi là 626.171.507 đồng. Trong thời gian chưa thanh toán nợ, ông Đặng Văn Đ vẫn phải chịu lãi suất quá hạn, phạt chậm trả lãi theo quy định tại hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ. Nguyên đơn được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nH ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số: 0044/2019/925-BĐ ký ngày 23/01/2019 là các tài sản đã nêu rõ tại phần nội dung tranh chấp để thu hồi nợ theo đúng quy định trong hợp đồng thế chấp tài sản cũng như quy định pháp luật. Nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ trả nợ thì ông Đ vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số nợ còn lại và Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiếp tục kê biên phát mãi các tài sản hợp pháp khác của ông Đặng Văn Đ cho đến khi thanh toán hết toán hết toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không

ghi nhận được ý kiến.

Tòa án đã tiến Hnh tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến Hnh hòa giải, ủy thác thu thập chứng cứ nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, nên vụ án không tiến Hnh hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng có văn bản trình bày ý kiến, thống nhất các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp là đúng; cung cấp bổ sung tài liệu bản tự khai, bảng kê tiền lãi chi tiết, yêu cầu ông Đặng Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến hết ngày 20/4/2023 là 1.737.138.193 đồng (một tỷ, bảy trăm ba mươi bảy triệu, một trăm ba mươi tám nghìn, một trăm chín mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc là 994.444.000 đồng, nợ lãi là 742.694.193 đồng. Yêu cầu tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ sau ngày 20/4/2023 cho đến khi hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0054/2019/925-CV ngày 23/01/2019 kèm Giấy nhận nợ số: 01/GNN-0054/2019/925-CV ngày 24/01/2019.

Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan Đểm:Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Đều 195, 196, 197, 198 và Đều 203 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa. Việc chấp Hnh pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng, đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, từ khi thụ lý án, đã thực hiện đúng theo quy định tại các Đều 70, 71, 85, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn: Ông Đặng Văn Đ từ khi thụ lý vụ án vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến Hnh đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định, theo Đều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn, lãi cho vay dưới hình thức hợp đồng tín dụng. Ông Đặng Văn Đ hiện cư trú tại huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Đều 26, Đểm a khoản 1 Đều 35 và Đểm a khoản 1 Đều 39, Đểm g, h khoản 1 Đều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện ông Đặng Văn Đ do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số: 0054/2019/925-CV ngày 23/01/2019 kèm Giấy nhận

nợ số: 01/GNN-0054/2019/925-CV ngày 24/01/2019. Do vậy, vụ án được xác định là tranh chấp về giao dịch dân sự về hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Đều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn gồm ông Võ Văn H, Phạm An N vắng mặt, bà Trần Khánh H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Đặng Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng những người này vắng mặt không lý do. Căn cứ Đều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến Hnh xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Khánh H có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng có ý kiến yêu cầu ông Đặng Văn Đ trả số tiền tạm tính đến hết ngày 20/4/2023 là 1.737.138.193 đồng (một tỷ, bảy trăm ba mươi bảy triệu, một trăm ba mươi tám nghìn, một trăm chín mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc là 994.444.000 đồng, nợ lãi là 742.694.193 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ còn lại theo mức lãi suất tại hợp đồng tín dụng số 0054/2019/925-CV ngày 23/01/2019 kèm Giấy nhận nợ số: 01/GNN-0054/2019/925-CV ngày 24/01/2019 kể từ ngày 21/4/2023 đến ngày thanh toán xong nợ. Xét thấy, việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ Đều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của nguyên đơn.

[2.1] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng: Giữa nguyên đơn và ông Đặng Văn Đ đã xác lập Hợp đồng tín dụng số: 0054/2019/925-CV ngày 23/01/2019 kèm Giấy nhận nợ số: 01/GNN-0054/2019/925-CV ngày 24/01/2019 với nội dung như đại diện nguyên đơn đã trình bày. Xét thấy, hợp đồng này được các bên giao kết trên nguyên tắc tự nguyện; hình thức và nội dung của hợp đồng tại thời Đểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật; lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách Hng. Do đó, hợp đồng trên có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Sau khi ký kết hợp đồng, ông Đ đã thực hiện trả được một phần tiền nợ vốn và lãi, nhưng sau đó ông Đ không tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn theo đúng thỏa thuận, không thực hiện thanh toán nợ gốc, lãi theo kỳ thanh toán là vi phạm hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Mặt khác, quá trình giải quyết, xét xử vụ án, ông Đ không thể hiện ý kiến, không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân Hng T là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Đ phải trả cho Ngân Hng T số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20 tháng 4 năm 2023) theo Hợp đồng tín dụng số 0054/2019/925-CV ngày 23/01/2019 kèm Giấy nhận nợ số: 01/GNN-0054/2019/925-CV ngày 24/01/2019, với số tiền tổng cộng là 1.737.138.193 đồng (một tỷ, bảy trăm ba mươi bảy triệu, một trăm ba mươi tám nghìn, một

trăm chín mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc là 994.444.000 đồng, nợ lãi là 742.694.193 đồng, ông Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà cá bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số: 0044/2019/925-BĐ ký ngày 23/01/2019 tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 1034 m^2, thửa đất số 984, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp 1, xã Tân Hiệp, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An; loại đất ở tại nông thôn, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nH ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 752960, vào sổ cấp GCN số CS 03905 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 22/01/2019 cho ông Đặng Văn Đ để thu hồi nợ theo đúng quy định trong hợp đồng thế chấp tài sản cũng như quy định pháp luật. Nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ trả nợ thì ông Đ vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số nợ còn lại và Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiếp tục kê biên phát mãi các tài sản hợp pháp khác của ông Đặng Văn Đ cho đến khi thanh toán hết toán hết toàn bộ khoản nợ.

Đối với yêu cầu trên, Tòa án đã tiến Hnh biện pháp Ủy thác xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, biên bản được lập ngày 27/02/2023 tại đất thế chấp thì trên đất không có cây trồng hay công trình kiến trúc nào khác, hiện trạng đất trống và không có tài sản, nH ở nào của người thứ ba.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn với bị đơn có xác lập hợp đồng thế chấp như đã nêu, việc ký kết hợp đồng thế chấp trên cơ sở tự nguyện, mục đích giao kết hợp đồng để đảm bảo nghĩa vụ của bị đơn cho nguyên đơn đối với các khoản vay. Hợp đồng đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật, là hợp đồng hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do đó, yêu cầu nêu này phù hợp Đều 293, 299, 317, 318, 319, 320 và 323 Bộ luật Dân sự năm 2015; Đều 49 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi Hnh Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nên được chấp nhận.

[2.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân Hng T là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí:

[3.1] Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3.2] Bị đơn có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo Đều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do nguyên đơn đã nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) (theo biên bản quyết toán chi

phí xem xét thẩm định chỗ của Tòa án nhân dân huyệnThạnh Hóa, tỉnh Long An) nên bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền này.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Đều 293, 299, 309, 310, 314, 317, 318, 319, 320, 323,463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Đều 26, 30, 35, 39, 147, 157, 158, 227, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Đều 49 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi Hnh Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Đều 91 và Đều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Khoản 2 Đều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân Hng T đối với ông Đặng Văn Đ.

- Buộc ông Đặng Văn Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân Hng T số tiền nợ vốn và lãi theo hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số: 0054/2019/925-CV ngày 23/01/2019 kèm Giấy nhận nợ số: 01/GNN-0054/2019/925-CV ngày 24/01/2019 tổng cộng tính đến ngày 20/4/2023 là 1.737.138.193 đồng (một tỷ, bảy trăm ba mươi bảy triệu, một trăm ba mươi tám nghìn, một trăm chín mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc là 994.444.000 đồng (chín trăm chín mươi bốn triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), nợ lãi là 742.694.193 đồng (bảy trăm bốn mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi bốn nghìn, một trăm chín mươi ba đồng).

Kể từ ngày 21/4/2023 ông Đặng Văn Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi ông Đặng Văn Đ thanh toán xong khoản nợ gốc cho nguyên đơn. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc Đều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân Hng T thì lãi suất mà ông Đặng Văn Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân Hng T theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được Đều chỉnh cho phù hợp với sự Đều chỉnh lãi suất của Ngân Hng T.

- Trường hợp ông Đặng Văn Đ không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân Hng T được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số: 0044/2019/925-BĐ ký ngày 23/01/2019 tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 1034 m^2, thửa đất số 984, tờ

bản đồ số 04, tọa lạc ấp 1, xã Tân Hiệp, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An; loại đất ở tại nông thôn, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nH ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 752960, vào sổ cấp GCN số CS 03905 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 22/01/2019 cho ông Đặng Văn Đ để thu hồi nợ. Nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ trả nợ thì ông Đ vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số nợ còn lại và Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiếp tục kê biên phát mãi các tài sản hợp pháp khác của ông Đặng Văn Đ cho đến khi thanh toán hết toán hết toàn bộ khoản nợ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đặng Văn Đ phải chịu 64.114.146 đồng (sáu mươi bốn triệu, một trăm mười bốn nghìn, một trăm bốn mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân Hng T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 30.310.000 đồng (ba mươi triệu, ba trăm mười nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0013129 ngày 28/12/2022 của Chi cục thi Hnh án dân sự huyện Chợ Mới.

- Về chi phí tố tụng khác: Ông Đặng Văn Đ có nghĩa vụ hoàn trả lại chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân Hng T với số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Đều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thoả thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Đều 6, 7, 7a và 9 Luật thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Đều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Thúy